

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/3/2022

V/v: Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và bà Nguyễn Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc không công nhận là vợ chồng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Khắc T từ ngày 20/11/1998 âm lịch, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện, gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, từ khi cưới đến nay không đăng ký kết hôn, sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay và ở chung với gia đình, đến năm 2009 thì ra ở riêng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và có 02 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong khoảng thời gian 3 năm trở lại đây, anh T đã thay đổi tính cách, hay uống rượu say, lại không chịu làm ăn, mỗi lần uống rượu về lại kiểm soát chị dẫn đến vợ chồng cãi nhau, đã nhiều lần chị khuyên bảo để anh T hạn chế uống rượu nhưng anh T không nghe, gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần cũng không được, bản thân anh T vẫn uống rượu say và về kiểm soát chị nhiều lần. Do anh T không chịu thay đổi cho nên chị không thể chấp nhận được cách sống như vậy, vì vậy chị đã phải bỏ về gia đình để ở từ tháng 3/2021 cho đến nay, kể từ khi ly thân anh T có lên gọi chị về đoàn tụ nhiều lần nhưng chị không quay về, vì anh T không hề thay đổi.

Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu tr, sinh ngày 02/12/1999 hiện nay đã trưởng thành, Nguyễn Thị X, sinh ngày 26/01/2004, tại thời điểm này cháu Hạnh cũng đã đủ tuổi trưởng thành, do vậy chị không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ ruộng đất nông nghiệp: Không có gì vướng mắc nên không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Khắc T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 20/11/1998 âm lịch, cưới trên tinh thần tự nguyện, gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng từ khi cưới đến nay không có đăng ký kết hôn, cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay và ở chung với gia đình đến năm 2009 thì ra ở riêng, vợ chồng chung sống hòa thuận nay có 02 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do trong cuộc sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu đã không hợp nhau về cách sống và cả trong công việc hàng ngày, cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đã nhiều lần anh, chị tự dàn xếp, hàn gắn tình cảm nhưng đến nay không có kết quả. Do vợ chồng không dàn xếp, hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên chị H đã bỏ về nhà để từ tháng 4/2019 cho đến nay, kể từ khi ly thân anh đã lên gọi nhiều lần nhưng chị H không về để đoàn tụ vợ chồng. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên không còn khả năng đoàn tụ, do vậy anh đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu tr, sinh ngày 02/12/1999 hiện nay đã trưởng thành, Nguyễn Thị X, sinh ngày 26/01/2004, hiện nay cả hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng, đất: Không có gì vướng mắc nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên, anh Nguyễn Khắc T đề nghị chị H rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc T là vợ chồng.

Con chung: Không giải quyết.

Tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ ngày 20/11/1998 âm lịch (tức ngày 07/01/1999). Theo lời trình bày của chị H, anh T do anh chị có đến trụ sở UBND xã P để đăng ký kết hôn nhưng khi đó hết thời hạn đăng ký kết hôn nên chưa đăng ký được và cho đến nay anh, chị không đi đăng ký kết hôn nữa.

Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã P nơi anh, chị cư trú, sinh sống. UBND xã P xác nhận từ năm 1998 đến nay tại sở đăng ký kết hôn được lưu trữ của địa phương cho thấy không có thông tin chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc T đăng ký kết hôn.

Từ những căn cứ trên có cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc T từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã

vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc T không được pháp luật thừa nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của chị H, anh T và ý kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi anh, chị sinh sống cũng xác nhận tình trạng cuộc sống chung của anh, chị đã rạn nứt nhiều năm nay, anh chị không chung sống cùng nhau từ tháng 3/2021, cho đến nay chị H, anh T cùng xác định không còn tình cảm vợ chồng, tại phiên toà anh T có nguyện vọng đề nghị chị H rút đơn đề vợ chồng về sống đoàn tụ nhưng chị H vẫn giữ nguyên quan điểm, ngoài đề nghị nêu trên, anh T không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó thể hiện cuộc sống chung đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 điều 53, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 2 con là Nguyễn Thu tr, sinh ngày 02/12/1999 hiện nay đã trưởng thành, Nguyễn Thị X, sinh ngày 26/01/2004. Nay các cháu đã đủ 18 tuổi và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc T là vợ chồng.

- Con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009349 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã P, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Lý –Nguyễn Thị Nhàn

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Lý –Lương Ngọc Biên

Vũ Tân Thịnh

